BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Dự thảo)

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
LIÊN ĐOÀN BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNV ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu trưng

1. Tên tiếng Việt: Liên đoàn Bóng đá Việt Nam.

2. Tên viết tắt tiếng Việt: LĐBĐVN.

3. Tên tiếng Anh: Viet Nam Football Federation.

4. Tên viết tắt tiếng Anh: VFF.

5. Biểu trưng:

Biểu trưng này đã đăng ký bản quyền theo quy định pháp luật Việt Nam.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

LĐBĐVN là tổ chức xã hội - nghề nghiệp về bóng đá và các hoạt động liên quan đến bóng đá trong phạm vi Việt Nam và quốc tế, tập hợp các thành viên để phát triển phong trào bóng đá các lứa tuổi, nam, nữ, nghiệp dư và chuyên nghiệp nhằm mục đích xây dựng nền bóng đá Việt Nam phát triển lành mạnh, rèn luyện sức khỏe, thể lực cho quần chúng nhân dân; góp phần nâng cao thành tích và vị thế của bóng đá Việt Nam trong khu vực và thế giới.

Điều 3. Tên viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Tên viết tắt:

a) Liên đoàn Bóng đá Quốc tế: FIFA;

b) Liên đoàn Bóng đá Châu Á: AFC;

c) Liên đoàn Bóng đá Đông Nam Á: AFF;

d) Hội đồng Bóng đá Quốc tế: IFAB;

đ) Toà Trọng tài Thể thao: CAS;

e) Câu lạc bộ bóng đá: CLB.

2. Giải thích từ ngữ:

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Liên đoàn Bóng đá châu lục: Là một nhóm các Liên đoàn Bóng đá quốc gia được FIFA công nhận là thành viên thuộc cùng một châu lục (hoặc cùng khu vực địa lý);

b) Liên đoàn Bóng đá quốc gia: Tổ chức quản lý bóng đá đại diện cho nền bóng đá của một quốc gia được FIFA và Liên đoàn Bóng đá châu lục liên quan công nhận là thành viên;

c) Thành viên: Tổ chức, Liên đoàn Bóng đá hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh (Liên đoàn bóng đá ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, hoạt động trên phạm vi tỉnh trong lĩnh vực bóng đá), CLB, đơn vị được Đại hội LĐBĐVN công nhận là thành viên của LĐBĐVN;

d) Quan chức trong lĩnh vực bóng đá: Bao gồm thành viên của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Bộ phận pháp chế, Ban chức năng, Bộ phận cấp phép, Hội đồng huấn luyện viên bóng đá quốc gia, giám sát trận đấu, giám sát trọng tài, trọng tài, trợ lý trọng tài, huấn luyện viên, những cán bộ tham gia và chịu trách nhiệm về chuyên môn, y tế và hành chính của FIFA, AFC, LĐBĐVN, đơn vị tổ chức giải bóng đá quốc gia, CLB và bất kỳ cá nhân nào khác có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ của FIFA, AFC và LĐBĐVN (ngoại trừ cầu thủ và đại diện bóng đá);

đ) Cầu thủ: Cầu thủ bóng đá được CLB đăng ký theo quy định của LĐBĐVN;

e) Tòa án nhân dân: Là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gồm: Toà án nhân dân tối cao và các Toà án khác do luật định;

g) Điều lệ và các quy định: Bao gồm Điều lệ, quy chế, quy định, nghị quyết, hướng dẫn và các quyết định của FIFA, AFC, AFF, LĐBĐVN; Luật Bóng đá, Luật Thi đấu Futsal, Luật Bóng đá Bãi Biển.

Điều 4. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. LĐBĐVN có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ LĐBĐVN được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.

2. Trụ sở của LĐBĐVN đặt tại Đường Lê Quang Đạo, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. LĐBĐVN là thành viên của FIFA, AFC, AFF và Ủy ban Olympic Việt Nam.

Điều 5. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. LĐBĐVN hoạt động trong lĩnh vực bóng đá trên phạm vi cả nước.

2. LĐBĐVN chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, sự quản lý về lĩnh vực thể dục thể thao của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của LĐBĐVN theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

LĐBĐVN tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản; dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch; thống nhất hành động, quyết định theo đa số; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ LĐBĐVN.

Điều 7. Chống phân biệt đối xử và trung lập

1. Mọi hình thức phân biệt về chủng tộc, màu da, nguồn gốc dân tộc, quốc gia hoặc xã hội, giới tính, khuyết tật, ngôn ngữ, tôn giáo, chính trị, tình trạng tài chính hoặc bất kỳ lý do nào khác trong các hoạt động bóng đá do LĐBĐVN quản lý, tổ chức và điều hành đều bị nghiêm cấm và bị xử phạt bằng hình thức đình chỉ, khai trừ, các hình thức kỷ luật khác theo quy định của LĐBĐVN phù hợp với quy định của pháp luật.

2. LĐBĐVN giữ trung lập trong mọi vấn đề và quản lý công việc của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ LĐBĐVN.

Điều 8. Cầu thủ

1. Cầu thủ phải tuân theo quy định về tư cách của cầu thủ và các quy định về đăng ký, chuyển nhượng cầu thủ do Ban Chấp hành LĐBĐVN ban hành theo Quy chế về địa vị pháp lý và chuyển nhượng cầu thủ của FIFA.

2. Cầu thủ được đăng ký, chuyển nhượng theo quy định về bóng đá chuyên nghiệp và ngoài chuyên nghiệp của LĐBĐVN.

Điều 9. Áp dụng Luật Bóng đá

LĐBĐVN và thành viên của LĐBĐVN tuân theo Luật Bóng đá do IFAB ban hành, Luật Thi đấu Futsal và Luật Bóng đá Bãi Biển do FIFA ban hành. Chỉ IFAB có quyền ban hành, sửa đổi Luật Bóng đá; chỉ FIFA có quyền ban hành, sửa đổi Luật Thi đấu Futsal và Luật Bóng đá Bãi Biển.

Điều 10. Việc tuân thủ Điều lệ và các quy định

1. Các thành viên và quan chức của LĐBĐVN phải tuân theo Điều lệ và các quy định trong các hoạt động của mình.

2. Các thành viên và quan chức tham gia các hoạt động bóng đá do LĐBĐVN quản lý, tổ chức có nghĩa vụ tuân thủ: Điều lệ và các quy định của FIFA, AFC, LĐBĐVN; các nguyên tắc về sự công bằng, đạo đức, trung tín, tính liêm chính và tinh thần thể thao trung thực, cao thượng.

3. Cá nhân thuộc các cơ quan, bộ phận của LĐBĐVN nêu tại Điều 22 Điều lệ này không được tham gia tranh luận và đưa ra quyết định nếu có bất kỳ rủi ro hoặc khả năng xảy ra xung đột lợi ích. Cụ thể, các thành viên của các cơ quan, bộ phận này phải luôn có nghĩa vụ nhận thức và tuân thủ các quy định liên quan của Quy tắc đạo đức FIFA về xung đột lợi ích, đồng thời điều chỉnh hành vi của họ trong trường hợp cần thiết (ví dụ như thoái thác trách nhiệm, nhiệm vụ, thông báo cho Chủ tịch trong các trường hợp xung đột lợi ích tiềm ẩn ....).

4. Thành viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 16 Điều lệ LĐBĐVN có thể bị xử phạt theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN.

5. Thành viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 5 Điều 16 Điều lệ LĐBĐVN có thể bị xử phạt, dù vi phạm đó là do ảnh hưởng của bên thứ ba không phải do lỗi của thành viên đó. Thành viên phải liên đới chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm cố ý hoặc vô ý của các thành viên của mình.

Điều 11. Ngôn ngữ chính thức

1. Ngôn ngữ chính thức của LĐBĐVN là tiếng Việt, ngôn ngữ giao dịch quốc tế chính thức là tiếng Anh. Các văn bản chính thức được soạn thảo bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có cách hiểu khác nhau giữa các văn bản thì thực hiện theo văn bản bằng tiếng Việt.

2. Ngôn ngữ chính thức tại Đại hội LĐBĐVN là tiếng Việt.

Chương II
QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 12. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của LĐBĐVN.

2. Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ chuyên môn, huấn luyện viên, giảng viên, trọng tài bóng đá.

3. Phối hợp, tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế về bóng đá theo quy định của pháp luật. Hợp tác chặt chẽ với FIFA, AFC, AFF, các Liên đoàn Bóng đá quốc gia và các đối tác khác xây dựng và triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về bóng đá theo quy định của pháp luật, Điều lệ LĐBĐVN và Điều lệ của FIFA, AFC và AFF.

4. Quản lý, tổ chức các giải bóng đá quốc gia và đăng cai tổ chức các giải bóng đá quốc tế (bao gồm cả các trận đấu giao hữu) tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định.

5. Chấp thuận và kiểm soát, quản lý các giải đấu, trận đấu giao hữu dưới mọi hình thức của các thành viên diễn ra trên phạm vi cả nước theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN và quy định của pháp luật.

6. Cấp phép, trao quyền cho thành viên hoặc đơn vị, tổ chức khác đăng cai giải bóng đá thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN trên cơ sở Điều lệ giải được LĐBĐVN thông qua và quy định của pháp luật.

7. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của thành viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của LĐBĐVN theo quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ các tổ chức bóng đá ở các địa phương, các ngành về chuyên môn, nghiệp vụ.

9. Giải quyết tranh chấp liên quan đến bóng đá có yếu tố trong nước của thành viên, CLB, huấn luyện viên, cầu thủ, đại diện bóng đá.

10. Huy động các nguồn lực và tổ chức các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật để tạo nguồn kinh phí phát triển bóng đá.

11. Tuyển chọn vận động viên, huấn luyện viên tham gia các đội tuyển quốc gia và cử cán bộ, huấn luyện viên, trọng tài, các đội tuyển quốc gia đi học tập, công tác, tập huấn, thi đấu ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

12. Ký hợp đồng với huấn luyện viên, chuyên gia nước ngoài theo quy định của pháp luật.

13. Đề xuất và tham gia với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chiến lược, kế hoạch và chính sách để phát triển bóng đá theo quy định của pháp luật. Xây dựng cơ sở vật chất, phục vụ cho việc tập huấn và thi đấu bóng đá.

14. Sở hữu tất cả các quyền phát sinh từ các giải đấu, trận đấu và các sự kiện thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN, bao gồm các quyền về tài chính, quyền thu thanh, ghi hình, sao chép và phát sóng; sản xuất; bản quyền truyền hình, phát thanh; truyền thông đa phương tiện; quảng cáo, tiếp thị; các quyền đối với biểu trưng, logo, huy hiệu thuộc LĐBĐVN và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

15. Trao quyền cho thành viên hoặc đơn vị, tổ chức khác sử dụng và phân phối hình ảnh, âm thanh và các hình thức dữ liệu khác của các giải đấu, trận đấu và các sự kiện thuộc quyền quản lý, tổ chức của LĐBĐVN phù hợp với quy định của luật pháp và quy định của FIFA, AFC, AFF.

16. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực LĐBĐVN hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập LĐBĐVN về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

17. Thành lập pháp nhân thuộc LĐBĐVN phù hợp với lĩnh vực hoạt động, tôn chỉ, mục đích và theo quy định của pháp luật.

18. Được gây quỹ LĐBĐVN trên cơ sở hội phí của thành viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

19. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

20. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ

1. Huy động và tập hợp các thành viên tham gia phát triển phong trào bóng đá Việt Nam, góp phần nâng cao thể chất nhân dân, phát hiện và bồi dưỡng tài năng bóng đá theo quy định của pháp luật.

2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống đào tạo tài năng bóng đá các lứa tuổi, các đội tuyển quốc gia theo định hướng bóng đá chuyên nghiệp.

3. Không ngừng cải thiện, thúc đẩy, điều chỉnh và quản lý môn bóng đá trên phạm vi cả nước trên tinh thần công bằng và các giá trị thống nhất, giáo dục, văn hóa và nhân đạo, đặc biệt thông qua các chương trình phát triển môn bóng đá trong thanh thiếu niên.

4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thi đấu bóng đá quốc gia phù hợp với hệ thống thi đấu của khu vực, Châu lục và thế giới theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng nền bóng đá Việt Nam phát triển lành mạnh; thúc đẩy tính liêm chính, đạo đức và công bằng; ngăn chặn các hành vi tiêu cực trong thi đấu và các hành vi bị cấm khác trong bóng đá.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của LĐBĐVN, quy định giải quyết tranh chấp và các quy định khác của LĐBĐVN theo thẩm quyền, đảm bảo thực hiện các quy định này.

7. Quản lý, kiểm soát và điều hành môn bóng đá, bao gồm việc tổ chức các giải đấu, trận đấu bóng đá quốc gia và quốc tế trên phạm vi cả nước; đăng ký và quản lý trọng tài, huấn luyện viên, cầu thủ; quản lý hoạt động chuyển nhượng, cho mượn cầu thủ; khai thác quyền thương mại, truyền thông trong các giải đấu, trận đấu bóng đá và các sự kiện do LĐBĐVN quản lý, tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của FIFA, AFC, AFF.

8. Tôn trọng và ngăn chặn bất kỳ vi phạm nào đối với Điều lệ và các quy định; đảm bảo các thành viên của LĐBĐVN tôn trọng Điều lệ và các quy định.

9. Thúc đẩy sự phát triển bóng đá nữ và sự tham gia của nữ giới ở các cấp độ quản lý bóng đá thuộc thẩm quyền của LĐBĐVN.

10. Thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị giữa các thành viên, CLB, quan chức, cầu thủ và trong xã hội vì sự phát triển của LĐBĐVN.

11. Hòa giải tranh chấp, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ LĐBĐVN theo quy định của pháp luật.

12. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của LĐBĐVN theo đúng quy định của pháp luật.

13. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
THÀNH VIÊN

Điều 14. Thành viên của LĐBĐVN

1. Thành viên của LĐBĐVN được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, quy định của LĐBĐVN và quy định của FIFA, AFC, AFF.

2. Thành viên của LĐBĐVN gồm:

a) CLB tham gia giải bóng đá Vô địch quốc gia;

b) CLB tham gia giải bóng đá hạng Nhất quốc gia;

c) CLB tham gia giải bóng đá hạng Nhì quốc gia;

d) CLB tham gia giải bóng đá nữ Vô địch quốc gia;

đ) CLB tham gia giải Futsal Vô địch quốc gia;

e) Liên đoàn Bóng đá hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh;

g) Đơn vị tổ chức giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia;

h) Đơn vị tổ chức giải bóng đá ngoài chuyên nghiệp quốc gia.

3. Thành viên của LĐBĐVN phải trực thuộc LĐBĐVN và có thể đồng thời là thành viên của Liên đoàn Bóng đá hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh.

4. Tư cách và sự độc lập của thành viên

a) Các thành viên của LĐBĐVN thực hiện các quyền và nghĩa vụ nêu tại Điều lệ này.

b) Thành viên phải độc lập và không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ cơ quan, tổ chức nào khác trong việc quản lý, giải quyết công việc và quyết định các vấn đề liên quan đến tư cách thành viên mà không phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức của thành viên.

c) Việc bầu hoặc bổ nhiệm các bộ phận và cá nhân trong tổ chức của thành viên không tuân thủ khoản 6 Điều 16 Điều lệ này, kể cả tạm thời sẽ không được LĐBĐVN công nhận.

d) Điều lệ LĐBĐVN xác định phạm vi thẩm quyền, các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể nêu tại khoản 2 Điều này. Quy chế, quy định của các chủ thể phải phù hợp với yêu cầu và nghĩa vụ của Điều lệ này và quy định của LĐBĐVN. LĐBĐVN chịu trách nhiệm chính trong việc điều chỉnh các vấn đề liên quan đến trọng tài, phòng chống doping, đăng ký cầu thủ, cấp phép CLB, áp dụng các biện pháp kỷ luật và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ tính liêm chính của các giải đấu, trận đấu.

Điều 15. Quyền của thành viên

1. Tham dự Đại hội LĐBĐVN, được thông báo trước về chương trình Đại hội, được quyền tranh luận, thảo luận, phát biểu ý kiến và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN và quy định của pháp luật.

2. Đưa ra các đề xuất để đưa vào chương trình Đại hội.

3. Đề cử các ứng cử viên trong Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra bằng văn bản và gửi về LĐBĐVN ít nhất 60 (sáu mươi) ngày trước khi diễn ra Đại hội.

4. Được bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại theo Quy chế bầu cử của LĐBĐVN.

5. Được thông báo về tình hình hoạt động của LĐBĐVN; giám sát hoạt động của Ban Chấp hành và thành viên của LĐBĐVN.

6. Tham gia các giải đấu, trận đấu và các hoạt động khác do LĐBĐVN quản lý, tổ chức. Được ưu tiên sử dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị tập luyện, thi đấu của LĐBĐVN để tập luyện và thi đấu phù hợp.

7. Được LĐBĐVN bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động bóng đá. Được khen thưởng theo quy định của LĐBĐVN.

8. Được thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của LĐBBĐVN theo quy định của LĐBĐVN; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn về có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của LĐBĐVN.

9. Thực hiện các quyền khác theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN và các quy định của LĐBĐVN.

Điều 16. Nghĩa vụ của thành viên

1. Thành viên và CLB, quan chức, cầu thủ, thành viên của mình nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ và các quy định;

2. Tham gia các giải đấu, trận đấu bóng đá và các hoạt động khác do LĐBĐVN quản lý, tổ chức; đoàn kết, hợp tác với các thành viên khác để xây dựng LĐBĐVN vững mạnh, góp phần phát triển và nâng cao trình độ bóng đá Việt Nam.

3. Đóng niên liễm và lệ phí đầy đủ, đúng hạn theo Điều lệ và các quy định của LĐBĐVN.

4. Điều lệ, quy chế của thành viên quy định các nội dung nêu tại các đoạn 2, đoạn 3 điểm c khoản 2 Điều 18 Điều lệ LĐBĐVN.

5. Quản lý và giải quyết công việc của mình một cách độc lập, không bị tác động bởi bất kỳ bên thứ ba với tư cách là thành viên khi tham gia các hoạt động của LĐBĐVN.

6. Đảm bảo việc bầu hoặc bổ nhiệm các bộ phận và các cá nhân trong tổ chức của thành viên được thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của thành viên và quy định của pháp luật.

7. Thông báo kịp thời tới LĐBĐVN về sửa đổi Điều lệ, quy chế, quy định của thành viên; thay đổi danh sách các lãnh đạo, những người có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký các thỏa thuận ràng buộc về pháp lý với bên thứ ba.

8. Không duy trì quan hệ thể thao với các tổ chức không được LĐBĐVN công nhận hoặc với các thành viên đã bị đình chỉ hoặc khai trừ.

9. Không được đồng thời là thành viên của một Liên đoàn Bóng đá quốc gia khác và không được phép tham gia các hoạt động bóng đá trên lãnh thổ của Liên đoàn Bóng đá quốc gia khác nếu không được sự cho phép của Liên đoàn Bóng đá quốc gia đó, LĐBĐVN, Liên đoàn Bóng đá Châu lục có liên quan, FIFA.

10. Tuân thủ nguyên tắc về sự công bằng, đạo đức, trung tín, tính liêm chính và tinh thần thể thao trung thực, cao thượng.

11. Đảm bảo tuân thủ các cam kết nêu tại điểm c khoản 2 Điều 18 Điều lệ này khi gia nhập LĐBĐVN.

12. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của LĐBĐVN.

13. Bảo vệ uy tín của LĐBĐVN, không được nhân danh LĐBĐVN trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo LĐBĐVN phân công bằng văn bản.

14. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định có liên quan của LĐBĐVN, AFF, AFC và FIFA.

Chương IV
KẾT NẠP, ĐÌNH CHỈ, KHAI TRỪ VÀ CHO THÀNH VIÊN RA KHỎI LĐBĐVN

Điều 17. Quy định chung về kết nạp, đình chỉ, khai trừ và cho thành viên ra khỏi LĐBĐVN

1. Đại hội quyết định việc kết nạp, đình chỉ, khai trừ và cho thành viên ra khỏi LĐBĐVN.

2. Tổ chức xin gia nhập LĐBĐVN nếu đáp ứng các điều kiện theo Điều 18 Điều lệ LĐBĐVN sẽ được kết nạp làm thành viên của LĐBĐVN.

3. Tư cách thành viên bị chấm dứt trong các trường hợp: Xin ra khỏi LĐBĐVN, giải thể, bị đình chỉ, bị khai trừ. Thành viên bị chấm dứt tư cách sẽ mất các quyền của thành viên, không được miễn trừ nghĩa vụ tài chính đối với LĐBĐVN, các tổ chức và cá nhân khác.

Điều 18. Thể thức kết nạp thành viên

1. Những tổ chức Việt Nam muốn gia nhập làm thành viên của LĐBĐVN phải nộp đơn xin gia nhập LĐBĐVN bằng văn bản và kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Hồ sơ gồm:

a) Bản sao Điều lệ, văn bản thành lập CLB do cơ quan có thẩm quyền ban hành và quy chế, quy định của tổ chức xin gia nhập;

b) Danh sách các lãnh đạo, những người có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký các thỏa thuận ràng buộc về pháp lý với bên thứ ba của tổ chức xin gia nhập.

c) Văn bản của tổ chức xin gia nhập cam kết tuân thủ các nội dung sau:

- Điều lệ, quy chế, quy định, nghị quyết, hướng dẫn và các quyết định của FIFA, AFC, AFF, LĐBĐVN, Luật Bóng đá, Luật Thi đấu Futsal, Luật Bóng đá Bãi Biển và bảo đảm các thành viên, CLB, quan chức, cầu thủ của mình cũng tuân thủ Điều lệ và các quy định;

- LĐBĐVN giải quyết những tranh chấp liên quan đến bóng đá có yếu tố trong nước của thành viên. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của LĐBĐVN thì tranh chấp sẽ được đưa lên tòa án nhân dân hoặc cơ quan trọng tài hoặc CAS là cơ quan giải quyết tranh chấp cuối cùng;

- Cơ quan có thẩm quyền của FIFA hoặc AFC giải quyết những tranh chấp về bóng đá có yếu tố nước ngoài của thành viên, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của các cơ quan này thì tranh chấp chỉ được đưa lên CAS là cơ quan giải quyết tranh chấp cuối cùng theo quy định của FIFA và AFC;

- Công nhận quyết định giải quyết tranh chấp của LĐBĐVN, đồng thời công nhận và tôn trọng các quyết định giải quyết tranh chấp của FIFA, AFC, cơ quan trọng tài, tòa án nhân dân và CAS;

- Trụ sở của tổ chức đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền và đặt trên lãnh thổ Việt Nam;

- Đảm bảo tự đưa ra quyết định độc lập mà không bị tác động của bất kỳ bên thứ ba;

- Đảm bảo việc bầu hoặc bổ nhiệm các bộ phận và các cá nhân trong tổ chức của thành viên được thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của thành viên và quy định của pháp luật.

- Chỉ tổ chức và tham gia các giải đấu, trận đấu chính thức và giao hữu sau khi được sự cho phép của LĐBĐVN, Liên đoàn Bóng đá Châu lục có liên quan, FIFA;

- Tham gia các giải đấu, trận đấu do LĐBĐVN quản lý, tổ chức.

3. Ban Chấp hành đề nghị Đại hội xem xét, quyết định công nhận tổ chức là thành viên của LĐBĐVN. Thành viên có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ LĐBĐVN ngay sau khi được công nhận.

Điều 19. Đình chỉ và tạm đình chỉ thành viên

1. Đại hội có quyền đình chỉ thành viên nếu vi phạm nghiêm trọng hoặc nhiều lần nghĩa vụ của thành viên. Quyết định đình chỉ được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Ban Chấp hành có quyền tạm đình chỉ thành viên vi phạm nghiêm trọng hoặc nhiều lần nghĩa vụ của thành viên. Quyết định tạm đình chỉ của Ban Chấp hành được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt biểu quyết tán thành và có hiệu lực tới kỳ Đại hội tiếp theo, trừ trường hợp việc tạm đình chỉ đã được Ban Chấp hành quyết định thôi áp dụng trước khi Đại hội diễn ra. Trường hợp không được Đại hội thông qua, quyết định tạm đình chỉ thành viên do Ban Chấp hành ban hành sẽ chấm dứt hiệu lực.

3. Thành viên bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ sẽ mất các quyền của thành viên. Các thành viên khác không được phép liên hệ về các vấn đề liên quan đến bóng đá với thành viên bị đình chỉ hoặc tạm đình chỉ. Ban Kỷ luật có thể áp dụng thêm các biện pháp kỷ luật theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN và quy định của pháp luật.

4. Thành viên không tham gia hoạt động bóng đá của LĐBĐVN trong vòng một năm hoặc một mùa giải hoặc không chấp hành nghĩa vụ tài chính đối với LĐBĐVN sẽ bị Ban Chấp hành tạm đình chỉ tư cách thành viên. Đại hội sẽ xem xét và quyết định tư cách thành viên của thành viên đó.

Điều 20. Khai trừ thành viên

1. Đại hội khai trừ thành viên nếu vi phạm nghiêm trọng hoặc nhiều lần Điều lệ, các quy chế, quy định, nghị quyết, hướng dẫn và các quyết định của FIFA, AFC, AFF và LĐBĐVN.

2. Ban Chấp hành đề nghị khai trừ thành viên khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt biểu quyết tán thành. Đề nghị khai trừ được đưa vào chương trình Đại hội và được gửi tới tất cả các thành viên.

3. Việc khai trừ thành viên chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

4. Thành viên bị khai trừ phải dừng ngay mọi hoạt động bóng đá do LĐBĐVN quản lý, tổ chức.

Điều 21. Ra khỏi LĐBĐVN

1. Thành viên muốn ra khỏi LĐBĐVN phải có đơn gửi đến Ban Chấp hành LĐBĐVN ít nhất 01 (một) tháng trước khi bắt đầu mùa giải bóng đá mới.

2. Việc xin ra khỏi LĐBĐVN chỉ có hiệu lực khi thành viên muốn ra khỏi LĐBĐVN đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác đối với LĐBĐVN, thành viên của LĐBĐVN, các tổ chức và cá nhân khác (nếu có).

Chương V
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 22. Cơ cấu tổ chức của LĐBĐVN

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Thường trực Ban Chấp hành.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các ban chức năng.
6. Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại.
7. Bộ phận Cấp phép CLB.
8. Hội đồng huấn luyện viên bóng đá quốc gia.
9. Bộ phận điều hành.

10. Tổ chức trực thuộc.

Điều 23. Thông báo tổ chức Đại hội

1. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội do Ban Chấp hành quyết định và thông báo bằng văn bản tới các thành viên, các ủy viên Ban Chấp hành ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày trước ngày Đại hội.

2. Các đề xuất của thành viên muốn trình Đại hội phải được gửi đến bộ phận điều hành của LĐBĐVN bằng văn bản, có giải thích tóm tắt, ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày Đại hội.

3. Các văn bản của Đại hội được gửi tới các thành viên và các ủy viên Ban Chấp hành ít nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đại hội, bao gồm:

a) Chương trình Đại hội;

b) Danh sách chính thức các ứng cử viên các chức danh được bầu tại Đại hội;

c) Báo cáo tổng kết công tác năm hoặc nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ của năm hoặc nhiệm kỳ tiếp theo của LĐBĐVN;

d) Các tài liệu liên quan khác.

4. Đối với Đại hội có bầu cử:

a) LĐBĐVN gửi văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội tới các thành viên ít nhất 90 (chín mươi) ngày trước ngày Đại hội;

b) Hồ sơ của các ứng cử viên các chức danh trong Ban Chấp hành được gửi đến LĐBĐVN ít nhất 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Đại hội;

c) LĐBĐVN gửi danh sách các ứng cử viên các chức danh trong Ban Chấp hành tới các thành viên ít nhất 45 (bốn nhăm) ngày trước ngày Đại hội.

Điều 24. Chương trình Đại hội

1. Tổng thư ký xây dựng nội dung chương trình Đại hội theo các quy định liên quan và dựa trên đề xuất của Ban Chấp hành và các thành viên.

2. Chương trình Đại hội gồm những nội dung sau:

a) Thông qua báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu dự Đại hội của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu. Ban Kiểm tra tư cách đại biểu bao gồm 03 (ba) người được Đại hội thông qua theo đề xuất của Ban Chấp hành.

b) Tuyên bố Đại hội đã được triệu tập và tổ chức theo quy định của Điều lệ LĐBĐVN;

c) Phát biểu khai mạc của Chủ tịch;

d) Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch và Ban Thư ký Đại hội;

đ) Thông qua chương trình Đại hội;

e) Công nhận, đình chỉ, khai trừ thành viên hoặc thông qua việc thành viên ra khỏi LĐBĐVN;

g) Thông qua Báo cáo tổng kết công tác năm hoặc nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ của năm hoặc nhiệm kỳ tiếp theo của LĐBĐVN;

h) Thông qua báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và các báo cáo khác do Ban Chấp hành đệ trình;

i) Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

k) Thông qua ngân sách tài chính của LĐBĐVN;

l) Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có);

m) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội do thành viên hoặc Ban Chấp hành đề xuất;

n) Thông qua danh sách Ban Bầu cử (đối với Đại hội có bầu cử);

o) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các ủy viên Ban Chấp hành; Trưởng Ban, Phó trưởng ban và các ủy viên của Ban Kiểm tra, Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại của LĐBĐVN;

p) Miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do Đại hội bầu (nếu có);

q) Chỉ định công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban Chấp hành;

r) Quyết định số tiền niên liễm của thành viên theo đề xuất của Ban Chấp hành;

s) Thảo luận các vấn đề do thành viên hoặc Ban Chấp hành đề xuất;

t) Thông qua các nội dung khác (nếu có);

u) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Chương trình Đại hội có thể thay đổi khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

4. Đại hội không quyết định những nội dung không có trong chương trình Đại hội.

Điều 25. Đại hội

1. Đại hội LĐBĐVN là cơ quan lãnh đạo cao nhất của LĐBĐVN. Đại hội tổ chức cuộc họp bao gồm tất cả các thành viên của LĐBĐVN. Chỉ khi Đại hội được tổ chức theo quy định của Điều lệ này và pháp luật mới có quyền ban hành các quyết định.

2. Đại hội LĐBĐVN gồm: Đại hội nhiệm kỳ được tiến hành 04 (bốn) năm một lần, Đại hội thường niên được tiến hành 01 (một) năm một lần và Đại hội bất thường (nếu cần thiết).

3. Đoàn Chủ tịch chủ trì Đại hội theo Điều lệ này, quy chế tổ chức Đại hội và chương trình Đại hội đã được thông qua. Thành viên Đoàn Chủ tịch do Ban Chấp hành đề xuất và Đại hội thông qua.

4. Đại hội được tổ chức trực tiếp hoặc trực tuyến. Chữ ký điện tử được chấp nhận trong các Đại hội được tổ chức trực tuyến. Trường hợp Đại hội có bầu cử chỉ được tổ chức trực tiếp.

5. LĐBĐVN báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức Đại hội thường niên trong trường hợp: Đại hội có biểu quyết bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Đại hội bầu hoặc sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐBĐVN.

Điều 26. Đại biểu và quyền biểu quyết

1. Mỗi thành viên được cử 01 (một) đại biểu chính thức đại diện cho thành viên tham dự Đại hội, đại biểu chính thức có quyền biểu quyết và bầu cử tại Đại hội. Ngoài ra, mỗi thành viên được cử thêm một đại biểu tham dự Đại hội, đại biểu thứ hai này không có quyền biểu quyết và bầu cử.

2. Đại biểu phải thuộc tổ chức thành viên mà họ đại diện, được chỉ định hoặc quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền của thành viên đó và phải chứng minh về tư cách đại biểu khi được yêu cầu.

3. Các ủy viên Ban Chấp hành và Tổng thư ký tham dự Đại hội nhưng không có quyền biểu quyết và bầu cử. Trong suốt nhiệm kỳ, các ủy viên Ban Chấp hành không được đại diện cho các thành viên để biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.

4. Ban Chấp hành đương nhiệm có thể mời các cá nhân được đề cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại của LĐBĐVN tham dự Đại hội với tư cách quan sát viên.

5. Ban Chấp hành đương nhiệm có thể mời một hoặc nhiều cá nhân có đóng góp cho sự phát triển bóng đá Việt Nam và các đại biểu khác tham dự Đại hội với tư cách khách mời. Các khách mời không có quyền biểu quyết và bầu cử.

6. Trưởng Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kỷ luật và Trưởng Ban Giải quyết khiếu nại được mời tham dự Đại hội nhưng không có quyền biểu quyết và bầu cử.

Điều 27. Quyền của Đại hội

1. Đại hội nhiệm kỳ có những thẩm quyền sau:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của LĐBĐVN;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) LĐBĐVN, Quy chế bầu cử và quy chế tổ chức Đại hội; đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể LĐBĐVN (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến và thông qua Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và các báo cáo khác do Ban Chấp hành trình lên Đại hội;

d) Thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán;

đ) Thông qua ngân sách tài chính của LĐBĐVN;

e) Công nhận, đình chỉ, khai trừ thành viên hoặc thông qua việc thành viên ra khỏi LĐBĐVN;

g) Thông qua danh sách Ban Bầu cử do Ban Chấp hành đề xuất;

h) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Chấp hành; Trưởng Ban, Phó trưởng ban và các ủy viên của Ban Kiểm tra, Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại của LĐBĐVN;

i) Chỉ định công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban Chấp hành;

k) Quyết định số tiền niên liễm của thành viên theo đề xuất của Ban Chấp hành;

l) Các vấn đề khác được Đại hội chấp thuận xem xét;

m) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

2. Đại hội thường niên: Thực hiện các quyền như Đại hội nhiệm kỳ, ngoại trừ quy định tại các điểm a, h, i khoản 1 Điều này, được tiến hành như sau:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết công tác năm; phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo của LĐBĐVN;

b) Miễn nhiệm, bãi nhiệm ủy viên Ban Chấp hành và chức danh khác do Đại hội bầu (nếu có). Bầu ủy viên Ban Chấp hành và chức danh khác thuộc thẩm quyền của Đại hội nếu các chức danh đó bị khuyết;

c) Thay đổi cơ quan kiểm toán độc lập theo đề xuất của Ban Chấp hành nếu cần thiết.

Điều 28. Số lượng đại biểu trong Đại hội

1. Đại hội LĐBĐVN được tiến hành khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức đại diện cho các thành viên có mặt.

2. Nếu không đủ số lượng đại biểu để tiến hành Đại hội thì Đại hội lần hai sẽ diễn ra trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kế tiếp với chương trình Đại hội tương tự, số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội phải đạt trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức đại diện cho các thành viên.

Điều 29. Quyết định của Đại hội

1. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ (thẻ màu xanh là đồng ý, thẻ màu đỏ là không đồng ý), bỏ phiếu kín hoặc qua các phương thức điện tử, việc quyết định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định. Nếu biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ không cho kết quả rõ ràng thì tiếp tục tiến hành bằng việc hỏi ý kiến từng đại biểu (gọi tên từng đại biểu theo thứ tự trong bảng chữ cái).

2. Trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này, quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt biểu quyết tán thành.

Điều 30. Bầu cử

1. Việc bầu cử được thực hiện trực tiếp tại Đại hội theo Quy chế bầu cử của LĐBĐVN dưới sự giám sát của Ban Bầu cử. Không được bầu cử theo ủy quyền hoặc qua thư.

2. Việc bầu cử được thực hiện bằng hình thức giơ thẻ được tiến hành trong các trường hợp nêu tại điểm a, điểm b khoản này. Người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu.

a) Trường hợp chỉ có 01 (một) ứng cử viên cho chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 01 (một) ủy viên Ban Chấp hành là nữ.

b) Trường hợp có 12 ứng cử viên cho 12 vị trí còn lại trong Ban Chấp hành.

3. Việc bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Chấp hành không thuộc trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

a) Bầu Chủ tịch nếu có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên thì người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu. Nếu sau lần bỏ phiếu đầu tiên không có ai trúng cử thì tiến hành lần bỏ phiếu lần thứ hai, đồng thời loại ứng cử viên có số phiếu bầu thấp nhất của lần bỏ phiếu đầu tiên, việc bầu cử sẽ tiếp tục cho đến khi bầu được Chủ tịch.

b) Bầu các Phó Chủ tịch: Việc bầu các Phó Chủ tịch được tiến hành cùng thời điểm. Nếu có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên cho một vị trí cần bầu thì người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu. Nếu sau lần bỏ phiếu đầu tiên không có ai trúng cử thì 02 (hai) ứng cử viên có số phiếu cao nhất sẽ tham gia lần bỏ phiếu thứ hai, người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu.

c) Bầu các ủy viên Ban Chấp hành (ngoài chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch):

- Bầu 01 (một) ủy viên Ban Chấp hành là nữ nếu có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên thì người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu. Nếu sau lần bỏ phiếu đầu tiên không có ai trúng cử thì 02 ứng cử viên có số phiếu cao nhất sẽ tham gia lần bỏ phiếu thứ hai, người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu.

- Bầu 12 (mười hai) ủy viên Ban Chấp hành còn lại: Người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu và lấy từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cần bầu. Nếu sau lần bỏ phiếu đầu tiên không có ai trúng cử hoặc chưa bầu đủ số lượng ủy viên Ban Chấp hành thì tiến hành bỏ phiếu lần thứ hai, đồng thời loại ứng cử viên có số phiếu bầu thấp nhất của lần bỏ phiếu đầu tiên, người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu. Nếu trong lần bỏ phiếu thứ hai có từ 02 (hai) ứng cử viên cuối cùng trở lên có số phiếu bằng nhau dẫn đến số lượng được bầu nhiều hơn số lượng cần bầu thì tổ chức bầu lại số người đó, người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu.

4. Việc bầu Trưởng Ban Kiểm tra và các ủy viên Ban Kiểm tra được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc bằng hình thức giơ thẻ theo quyết định của Đại hội, người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu.

5. Việc bầu Trưởng Ban, Phó trưởng ban và các ủy viên của Ban Kỷ luật, Ban Giải quyết khiếu nại được thực hiện bằng hình thức giơ thẻ. Người trúng cử phải được trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội đồng ý bầu. Có thể đồng thời bầu cử tất cả các vị trí của các Ban.

Điều 31. Đại hội bất thường

1. Ban Chấp hành triệu tập Đại hội bất thường trong trường hợp có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên đề nghị bằng văn bản.

2. Đề nghị triệu tập Đại hội bất thường phải nêu rõ các nội dung trong chương trình Đại hội. Đại hội bất thường sẽ được tổ chức trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Đối với Đại hội bất thường có bầu cử sẽ được tổ chức trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

Nếu Đại hội bất thường không được triệu tập trong khoảng thời gian này, các ủy viên Ban Chấp hành hoặc các thành viên đã đề nghị có thể tự tổ chức Đại hội (trình tự, thủ tục tiến hành tổ chức Đại hội bất thường do Ban Chấp hành quy định cụ thể theo quy định của pháp luật) và thông báo cho tất cả các thành viên của LĐBĐVN về thời gian, địa điểm và chương trình Đại hội ít nhất 30 (ba mươi) ngày trước khi Đại hội bất thường diễn ra.

3. Nếu Ban Chấp hành đề nghị Đại hội bất thường thì nội dung chương trình Đại hội do Ban Chấp hành đưa ra. Nếu các thành viên đề nghị Đại hội bất thường thì nội dung chương trình Đại hội do các thành viên đó đưa ra. Nội dung chương trình đó không được thay đổi tại Đại hội bất thường.

Điều 32. Biên bản, nghị quyết Đại hội

1. Tổng thư ký chịu trách nhiệm tổ chức ghi biên bản và Nghị quyết Đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội sau khi hoàn thiện sẽ lưu tại LĐBĐVN.

2. Nghị quyết của Đại hội có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ khi Đại hội quyết định thời gian khác để Nghị quyết có hiệu lực.

3. Nghị quyết Đại hội phải được gửi tới các thành viên và các ủy viên Ban Chấp hành trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

Điều 33. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan điều hành đưa ra các chiến lược của LĐBĐVN. Ban Chấp hành tổ chức hoạt động của LĐBĐVN giữa hai kỳ Đại hội.

2. Ban Chấp hành gồm 17 (mười bảy) ủy viên trong đó có:

a) 01 (một) Chủ tịch;

b) 03 (ba) Phó Chủ tịch, gồm: 01 (một) Phó Chủ tịch phụ trách chuyên môn, 01 (một) Phó Chủ tịch phụ trách tài chính và vận động tài trợ, 01 (một) Phó Chủ tịch phụ trách truyền thông;

c) 13 (mười ba) ủy viên, trong đó có 01 (một) ủy viên là nữ.

3. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội bầu. Mỗi ứng cử viên phải được ít nhất 02 (hai) thành viên đề cử bằng văn bản.

4. Nhiệm kỳ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Chấp hành là 04 (bốn) năm. Một cá nhân không được giữ chức Chủ tịch quá 03 (ba) nhiệm kỳ (liên tục hoặc không liên tục). Chủ tịch giữ chức vụ tối thiểu 24 (hai mươi tư) tháng được tính là một nhiệm kỳ.

5. Ủy viên Ban Chấp hành phải là công dân Việt Nam từ 25 (hai mươi lăm) tuổi trở lên, phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công việc; hiểu biết và có kinh nghiệm trong hoạt động bóng đá hoặc hoạt động thể thao chuyên nghiệp; có năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành; tự nguyện và có khả năng bố trí thời gian để tham gia các hoạt động của Ban Chấp hành LĐBĐVN; được các tổ chức thành viên tín nhiệm.

6. Cá nhân đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành bản án của Tòa án nhân dân, án phạt, kỷ luật của CAS, cơ quan có thẩm quyền của FIFA, AFC, LĐBĐVN thì không được tham gia làm ủy viên Ban Chấp hành LĐBĐVN.

7. Ủy viên Ban Chấp hành không được đồng thời là ủy viên của Ban Kiểm tra, Ban Kỷ luật, Ban Giải quyết khiếu nại; không được làm việc tại bộ phận điều hành của LĐBĐVN và không được đại diện cho thành viên tại Đại hội trong suốt nhiệm kỳ.

8. Uỷ viên Ban Chấp hành muốn ra khỏi Ban Chấp hành phải nộp đơn cho Ban Chấp hành, Ban Chấp hành sẽ xem xét tạm thời miễn nhiệm đối với uỷ viên đó. Người đó phải bàn giao lại toàn bộ công việc, các nguồn tài chính và cơ sở vật chất do mình chịu trách nhiệm quản lý (nếu có) cho Ban Chấp hành.

9. Nếu từ 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành trở xuống bị khuyết, Đại hội tiếp theo gần nhất sẽ bầu số ủy viên Ban Chấp hành bị khuyết để làm việc đến hết nhiệm kỳ hiện tại.

10. Nếu trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành bị khuyết thì Ban Chấp hành sẽ triệu tập Đại hội bất thường trong thời gian quy định để bầu những người thay thế cho các vị trí bị khuyết.

11. Các vị trí trong Ban Chấp hành bị khuyết (trong trường hợp chết, mất tích; từ chức, xin ra khỏi Ban Chấp hành sau khi được Ban Chấp hành đề xuất Đại hội thông qua hoặc bị tòa án nhân dân, FIFA, AFC, LĐBĐVN cấm vĩnh viễn thực hiện hoạt động liên quan đến bóng đá hoặc công việc đang đảm nhiệm tại LĐBĐVN) thì Đại hội sẽ bầu bổ sung các vị trí bị khuyết theo quy định.

Điều 34. Họp Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành LĐBĐVN họp ít nhất 04 (bốn) lần trong một năm theo triệu tập của Chủ tịch. Ban Chấp hành tiến hành họp khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt. Các cuộc họp của Ban Chấp hành được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến.

2. Nếu có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị họp Ban Chấp hành bất thường thì Chủ tịch LĐBĐVN triệu tập cuộc họp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị. Nếu Chủ tịch không triệu tập cuộc họp trong thời gian trên, các ủy viên Ban Chấp hành đề nghị họp sẽ tự triệu tập cuộc họp nhưng phải gửi chương trình họp đến tất cả các ủy viên Ban Chấp hành ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp và cử Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp.

3. Chủ tịch LĐBĐVN quyết định nội dung chương trình họp Ban Chấp hành. Các ủy viên Ban Chấp hành có quyền đề xuất nội dung chương trình họp Ban Chấp hành. Nội dung đề xuất phải gửi đến Tổng thư ký ít nhất 14 (mười bốn) ngày làm việc trước cuộc họp. Chương trình họp phải được gửi đến các ủy viên Ban Chấp hành ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước cuộc họp.

4. Tổng thư ký tham dự cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết. Trường hợp không thể tham dự cuộc họp, Tổng thư ký có thể đề cử Phó Tổng thư ký thay mình tham dự cuộc họp nếu được Ban Chấp hành đồng ý.

5. Các vấn đề thảo luận và quyết định trong cuộc họp được ghi trong biên bản cuộc họp và nghị quyết của Ban Chấp hành.

6. Nghị quyết của Ban Chấp hành có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ khi Ban Chấp hành quyết định thời gian khác để nghị quyết có hiệu lực.

7. Trước khi công bố nghị quyết cuộc họp, nội dung cuộc họp không được công bố rộng rãi, chỉ thông báo cho cá nhân, tổ chức, đơn vị có liên quan.

8. Trưởng Ban Kiểm tra, Trưởng Ban Kỷ luật và Trưởng Ban Giải quyết khiếu nại được mời tham dự họp Ban Chấp hành nhưng không có quyền biểu quyết. Ban Chấp hành có thể mời các khách mời hoặc bên thứ ba tham dự, những người này không có quyền biểu quyết và chỉ được phát biểu ý kiến khi được Ban Chấp hành đồng ý.

Điều 35. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành

1. Thảo luận và thông qua các quyết định trong tất cả các trường hợp không thuộc thẩm quyền của Đại hội hoặc không thuộc các cơ quan, bộ phận khác của LĐBĐVN theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

2. Phê chuẩn và ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các ban, Hội đồng huấn luyện viên bóng đá quốc gia, tổ chức trực thuộc LĐBĐVN.

3. Bổ nhiệm Thường trực Ban Chấp hành gồm 05 (năm) ủy viên, trong đó có: Chủ tịch, 03 (ba) Phó Chủ tịch và 01 (một) ủy viên Ban Chấp hành.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các Trưởng ban, Phó trưởng ban và ủy viên của các ban chức năng, bộ phận cấp phép CLB.

5. Đề xuất với Đại hội các ứng cử viên cho vị trí Trưởng Ban, Phó trưởng ban và ủy viên của Ban Kiểm tra, Ban Kỷ luật, Ban Giải quyết khiếu nại.

6. Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội và chỉ đạo, giám sát hoạt động của các ban chức năng và các cơ quan, tổ chức trực thuộc LĐBĐVN.

7. Quyết định thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội LĐBĐVN và thành lập Ban Tổ chức Đại hội.

8. Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng thư ký theo đề xuất của Chủ tịch.

9. Đề xuất cơ quan kiểm toán độc lập để Đại hội phê duyệt.

10. Phê chuẩn và ban hành (hoặc ủy quyền cho Thường trực Ban Chấp hành phê chuẩn và ban hành) Điều lệ các giải bóng đá thuộc quản lý của LĐBĐVN.

11. Thành lập các cơ quan, tổ chức trực thuộc LĐBĐVN phù hợp với tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật.

12. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động và nội dung báo cáo ngân sách tài chính của LĐBĐVN trình Đại hội.

13. Quyết định khen thưởng cho các ủy viên Ban Chấp hành, các tổ chức trực thuộc.

14. Báo cáo kế hoạch công tác với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

15. Trình Đại hội thông qua các báo cáo, đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐBĐVN và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội.

16. Giao nhiệm vụ cho các bộ phận, tổ chức khác của LĐBĐVN theo thẩm quyền hoặc ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác thực hiện những nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.

17. Thành lập các Ban thời vụ để thực hiện nhiệm vụ trong một khoảng thời gian nhất định. Thành phần và nhiệm vụ của Ban sẽ do Ban Chấp hành quyết định.

18. Tạm thời miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do Đại hội bầu hoặc tạm thời đình chỉ một thành viên cho đến kỳ Đại hội tiếp theo.

Điều 36. Quyết định của Ban Chấp hành

1. Trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hoặc người chủ trì.

2. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ, bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu kín, việc quyết định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định. Nếu biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín, các phiếu trắng hoặc ghi sai quy định hoặc không tham gia bỏ phiếu sẽ không được tính vào kết quả bỏ phiếu.

3. Trong trường hợp cần lấy ý kiến của Ban Chấp hành ngoài kỳ họp Ban Chấp hành, ủy viên Ban Chấp hành có thể cho ý kiến bằng văn bản.

4. Ủy viên Ban Chấp hành có liên quan, mâu thuẫn về lợi ích trong sự việc đang được xem xét, quyết định thì ủy viên đó không được tham gia cuộc họp, thảo luận và biểu quyết về sự việc đó.

Điều 37. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Đại hội miễn nhiệm, bãi nhiệm một chức danh do Đại hội bầu theo đề nghị của Ban Chấp hành. Ban Chấp hành chỉ có quyền tạm thời miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do Đại hội bầu cho đến khi có quyết định của Đại hội. Nếu Đại hội tiếp theo là Đại hội bầu cử, cá nhân bị bãi nhiệm có thể là ứng cử viên cho chức danh được bầu (nếu đáp ứng các tiêu chí đối với chức danh được bầu) phụ thuộc vào quyết định của Đại hội về việc bãi nhiệm trước khi bầu cử.

2. Đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chính đáng và được gửi cho các ủy viên Ban Chấp hành, các thành viên của LĐBĐVN.

3. Cá nhân bị đề nghị bãi nhiệm chức danh có quyền nêu ý kiến bảo vệ mình trước Ban Chấp hành, Đại hội.

4. Đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm được thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành có mặt biểu quyết tán thành và được đưa vào chương trình Đại hội gửi tới tất cả các thành viên.

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

6. Cá nhân bị miễn nhiệm, bãi nhiệm (tạm thời) phải dừng ngay mọi hoạt động liên quan đến bóng đá với các thành viên và LĐBĐVN.

Điều 38. Thường trực Ban Chấp hành

1. Thường trực Ban Chấp hành do Ban Chấp hành bổ nhiệm gồm 05 ủy viên, trong đó có: Chủ tịch, 03 (ba) Phó Chủ tịch và 01 (một) ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Thường trực Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

Thường trực Ban Chấp hành có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề cần giải quyết ngay của LĐBĐVN giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành, sau đó báo cáo Ban Chấp hành tại kỳ họp Ban Chấp hành gần nhất.

2. Chủ tịch triệu tập họp Thường trực Ban Chấp hành. Nếu cuộc họp không được tiến hành trong khoảng thời gian quy định, các quyết định sẽ được thông qua bằng các phương tiện thông tin khác như: Họp trực tuyến, lấy ý kiến bằng văn bản gửi qua thư, thư điện tử và tin nhắn.

3. Thường trực Ban Chấp hành họp khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên có mặt. Thường trực Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ, bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu kín, việc quyết định hình thức biểu quyết do Thường trực Ban Chấp hành quyết định.

4. Các nghị quyết, quyết định của Thường trực Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch (hoặc người chủ trì).

5. Các vấn đề thảo luận và quyết định trong cuộc họp được ghi trong biên bản cuộc họp và nghị quyết của Thường trực Ban Chấp hành.

6. Nghị quyết của Thường trực Ban Chấp hành có hiệu lực kể từ ngày ký, trừ khi Thường trực Ban Chấp hành có quyết định khác.

7. Chủ tịch ban hành thông báo tới các ủy viên Ban Chấp hành các quyết định của Thường trực Ban Chấp hành. Các quyết định này sẽ được Ban Chấp hành thông qua tại kỳ họp kế tiếp.

8. Trường hợp Chủ tịch không thể tham dự cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền sẽ chủ trì cuộc họp.

Điều 39. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của LĐBĐVN.

2. Ban Kiểm tra gồm 03 (ba) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban và 02 (hai) ủy viên do Đại hội bầu theo đề xuất của Ban Chấp hành. Ủy viên Ban Kiểm tra phải có kiến thức, khả năng và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, không được tham gia hoặc liên quan đến bất kỳ quyết định nào ảnh hưởng đến hoạt động của LĐBĐVN. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Chỉ Đại hội có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm ủy viên Ban Kiểm tra.

3. Nếu ủy viên Ban Kiểm tra không thể thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình đến hết nhiệm kỳ thì Ban Chấp hành sẽ bổ nhiệm người thay thế cho đến Đại hội tiếp theo bầu người thay thế.

4. Ban Kiểm tra hoạt động độc lập theo Điều lệ này, quy chế do Ban Chấp hành ban hành và tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ này, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và Thường trực Ban Chấp hành; các quy chế, quy định của LĐBĐVN trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc và thành viên.

b) Tư vấn, hỗ trợ và giám sát Ban Chấp hành thực hiện giám sát các vấn đề về tài chính và tuân thủ quy định của LĐBĐVN; xây dựng cơ chế tuân thủ và giám sát việc tuân thủ các quy định liên quan của LĐBĐVN, đồng thời giám sát Ban Tổng thư ký trong các vấn đề tài chính và tuân thủ quy định.

c) Đảm bảo tính hoàn thiện và độ tin cậy của công tác kế toán tài chính và việc soát xét báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo tài chính của cơ quan kiểm toán độc lập.

d) Giám sát LĐBĐVN về tài chính và vấn đề tuân thủ; đề xuất với các cơ quan có liên quan những hoạt động cần thiết dựa trên kết quả của việc giám sát đó. Ban Kiểm tra với sự hỗ trợ của Ban Tổng thư ký thực hiện kế hoạch tuân thủ trong LĐBĐVN.

đ) Xem xét, giải quyết đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của thành viên, tổ chức và công dân gửi đến LĐBĐVN.

Điều 40. Chủ tịch

1. Chủ tịch LĐBĐVN có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

a) Là đại diện pháp nhân của LĐBĐVN trước pháp luật, đại diện cho LĐBĐVN, Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành trong các quan hệ đối nội và đối ngoại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của LĐBĐVN;

b) Là người đại diện theo pháp luật của chủ tài khoản LĐBĐVN;

c) Chỉ đạo bộ phận điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội, Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành;

d) Đảm bảo bộ phận điều hành thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn của LĐBĐVN theo Điều lệ này;

đ) Chịu trách nhiệm báo cáo Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành và các thành viên về hoạt động của LĐBĐVN;

e) Chịu trách nhiệm về mối quan hệ giữa LĐBDVN với các thành viên, với FIFA, AFC, AFF, các tổ chức và các cơ quan khác;

g) Đề xuất Ban Chấp hành bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng thư ký.

h) Triệu tập và chủ trì Đại hội, cuộc họp của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành và ban chức năng mà Chủ tịch là Trưởng ban. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền sẽ chủ trì cuộc họp;

i) Ký các văn bản, quyết định đã được Đại hội, Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành thông qua và các văn bản khác trong phạm vi thẩm quyền;

2. Chủ tịch tham gia và biểu quyết trong cuộc họp Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành và ban chức năng mà Chủ tịch là Trưởng ban. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch.

3. Trường hợp vị trí Chủ tịch bị khuyết theo quy định tại khoản 11 Điều 33 Điều lệ này, Ban Chấp hành sẽ xem xét và quyết định Phó Chủ tịch giữ chức vụ lâu nhất đảm nhiệm chức quyền Chủ tịch (trong trường hợp các Phó Chủ tịch giữ chức vụ lâu bằng nhau thì Ban Chấp hành sẽ bổ nhiệm 01 (một) Phó Chủ

tịch đảm nhiệm chức quyền Chủ tịch) cho đến Đại hội kế tiếp bầu Chủ tịch mới theo quy định.

4. Việc bổ sung quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch được quy định trong quy chế hoạt động nội bộ của LĐBĐVN.

Điều 41. Các Phó Chủ tịch

Các Phó Chủ tịch có trách nhiệm và quyền hạn như sau:

1. Hoạt động theo sự phân công của Chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

2. Được quyền ký thay văn bản khi được Chủ tịch ủy quyền;

3. Giám sát Tổng thư ký điều hành các lĩnh vực công tác do mình phụ trách và báo cáo kết quả trước Chủ tịch.

Điều 42. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký là người đứng đầu bộ phận điều hành của LĐBĐVN. Tổng thư ký được Ban Chấp hành bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch và làm việc theo hợp đồng lao động ký với LĐBĐVN theo quy định liên quan.

2. Tổng thư ký có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội, Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành theo chỉ đạo của Chủ tịch.

b) Tham dự Đại hội và các cuộc họp của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành và các ban chức năng;

c) Chuẩn bị công tác tổ chức Đại hội, các cuộc họp Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành và các ban chức năng;

d) Tổ chức ghi biên bản của Đại hội, các cuộc họp Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành và các ban chức năng;

đ) Là người đại diện theo ủy quyền của chủ tài khoản LĐBĐVN;

e) Thay mặt Chủ tịch trong các quan hệ đối nội, đối ngoại của LĐBĐVN;

g) Là người phát ngôn của LĐBĐVN;

h) Tổ chức hoạt động của bộ phận điều hành;

i) Đảm bảo mối quan hệ với FIFA, AFC, AFF, các Liên đoàn Bóng đá quốc gia và các tổ chức thể thao khác theo chỉ đạo của Chủ tịch;

k) Tuyển dụng, ký hợp đồng với người lao động làm việc trong bộ phận điều hành của LĐBĐVN; bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm cán bộ quản lý thuộc bộ phận điều hành (ngoại trừ Phó Tổng thư ký);

l) Hỗ trợ công việc hành chính và hậu cần cho Ban Bầu cử.

m) Ủy quyền cho các Phó Tổng thư ký ký thay.

3. Việc bổ sung quyền hạn và trách nhiệm của Tổng thư ký được quy định trong quy chế hoạt động nội bộ của LĐBĐVN.

4. Tổng thư ký không phải là đại biểu của Đại hội hoặc thành viên của bất kỳ cơ quan, bộ phận nào khác của LĐBĐVN.

Điều 43. Các ban chức năng

1. LĐBĐVN có các ban chức năng như sau:

a) Ban Chuyên môn và Đào tạo phát triển;

b) Ban Futsal;

c) Ban Bóng đá Nữ;

d) Ban Bóng đá phong trào;

đ) Ban Tài chính và vận động tài trợ;

e) Ban Truyền thông;

g) Ban Y học thể thao;

h) Ban Tư cách cầu thủ;

i) Ban Trọng tài.

2. Trưởng ban, Phó trưởng Ban và ủy viên của các Ban chức năng (ngoại trừ Ban Trọng tài, Ban Y học thể thao hoặc FIFA, AFC quy định khác) có thể là ủy viên Ban Chấp hành. Trưởng Ban, Phó Trưởng ban và ủy viên của mỗi Ban chức năng do Ban Chấp hành bổ nhiệm dựa trên đề xuất của Thường trực Ban Chấp hành phải đảm bảo có kiến thức, năng lực và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của các Ban chức năng cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành.

3. Trưởng Ban chức năng là người đại diện cho Ban và thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ này, Quy chế làm việc do Ban Chấp hành ban hành.

4. Trưởng Ban chức năng phối hợp với Tổng thư ký quyết định thời gian tổ chức cuộc họp của Ban, đảm bảo các nhiệm vụ của Ban được triển khai theo đúng quy định và báo cáo Ban Chấp hành.

5. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các Ban chức năng được quy định trong Điều lệ này và Quy chế làm việc do Ban Chấp hành ban hành.

6. Mỗi Ban chức năng có thể đề xuất Ban Chấp hành xem xét, quyết định những sửa đổi, bổ sung liên quan đến các quy định của Ban.

7. Trường hợp chia, tách, thành lập, sáp nhập, chấm dứt hoạt động của một hoặc một số Ban chức năng do Đại hội quyết định và không dẫn đến việc sửa đổi Điều lệ này.

Điều 44. Ban Chuyên môn và Đào tạo phát triển

1. Ban Chuyên môn và Đào tạo phát triển chịu trách nhiệm phân tích các yếu tố cơ bản của đào tạo bóng đá và phát triển chuyên môn trong bóng đá; chịu

trách nhiệm về các chương trình phát triển của LĐBĐVN; xây dựng chương trình, kế hoạch và đề xuất các chiến lược phù hợp; giám sát việc thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch này; phân tích sự hỗ trợ từ các chương trình chuyên môn và phát triển dành cho các thành viên của LĐBĐVN; tư vấn cho Ban Chấp hành về các vấn đề chuyên môn và phát triển chung.

2. Ban Chuyên môn và Đào tạo phát triển gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 45. Ban Futsal

1. Ban Futsal xây dựng kế hoạch phát triển bóng đá Futsal và giải quyết các vấn đề liên quan đến bóng đá Futsal.

2. Ban Futsal gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 46. Ban Bóng đá nữ

1. Ban Bóng đá nữ xây dựng kế hoạch phát triển bóng đá nữ và giải quyết các vấn đề liên quan đến bóng đá nữ.

2. Ban Bóng đá nữ gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 47. Ban Bóng đá phong trào

1. Ban Bóng đá phong trào xây dựng kế hoạch phát triển bóng đá nghiệp dư và phong trào, giải quyết những vấn đề liên quan đến bóng đá nghiệp dư và phong trào trong phạm vi LĐBĐVN và các thành viên của LĐBĐVN.

2. Ban Bóng đá phong trào gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 48. Ban Tài chính và Vận động Tài trợ

1. Ban Tài chính và Vận động tài trợ tư vấn cho Ban Chấp hành về các vấn đề tài chính và chiến lược tiếp thị; giám sát việc quản lý tài chính và tài sản; thiết lập và duy trì mối quan hệ với các đối tác của LĐBĐVN; phân tích dự toán và các báo cáo tài chính do Tổng thư ký chuẩn bị để trình Ban Chấp hành thông qua.

2. Ban Tài chính và Vận động tài trợ gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 49. Ban Truyền thông

1. Ban Truyền thông giải quyết các vấn đề liên quan đến truyền thông và tổ chức sự kiện trong phạm vi LĐBĐVN; duy trì việc thiết lập và phát triển mối quan hệ hợp tác giữa LĐBĐVN với các tổ chức truyền thông trong nước và quốc tế.

2. Ban Truyền thông gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 50. Ban Y học thể thao

1. Ban Y học thể thao nghiên cứu và đưa ra các khuyến nghị về chương trình và kế hoạch phát triển y học trong bóng đá; tham mưu, tư vấn cho Ban Chấp hành những giải pháp về tổ chức bộ máy, nhân sự nhằm thiết lập mạng lưới chăm sóc sức khỏe, điều trị và phục hồi chức năng cho các cầu thủ.

2. Ban Y học thể thao gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên. Đa số các ủy viên của Ban được lựa chọn trong số các chuyên gia y tế, bác sĩ của các tổ chức y tế.

Điều 51. Ban Tư cách cầu thủ

1. Ban Tư cách cầu thủ thiết lập và giám sát việc tuân thủ các quy định về chuyển nhượng theo các quy định của FIFA về tư cách và chuyển nhượng cầu thủ, quyết định tư cách cầu thủ cho các giải đấu khác nhau của LĐBĐVN.

2. Ban Tư cách cầu thủ gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên.

Điều 52. Ban Trọng tài

1. Ban Trọng tài có trách nhiệm thi hành Luật Bóng đá; quản lý trọng tài và hoạt động của trọng tài bóng đá, Futsal và bóng đá bãi biển ở cấp quốc gia; thông báo và hướng dẫn các quy định của LĐBĐVN và FIFA về công tác trọng tài; phân công giám sát trọng tài, trọng tài và trợ lý trọng tài cho các trận đấu của các giải bóng đá, Futsal và bóng đá bãi biển quốc gia; phối hợp với phòng chức năng thuộc bộ phận điều hành tổ chức công tác trọng tài và giám sát việc đào tạo, tập huấn trọng tài.

2. Ban Trọng tài gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó Trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên. Tất cả các ủy viên của Ban phải từng là trọng tài và không được làm việc hoặc dưới sự quản lý của bất kỳ thành viên nào của LĐBĐVN.

Điều 53. Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại

1. Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại gồm: Ban Kỷ luật và Ban Giải quyết khiếu nại. Nhiệm kỳ của Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Trưởng ban, Phó trưởng ban và các ủy viên của Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại do Đại hội bầu theo đề xuất của Ban Chấp hành phải đảm bảo có kiến thức, năng lực và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Chỉ Đại hội có quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm ủy viên của Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại.

2. Nếu ủy viên của Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại không thực hiện được nhiệm vụ được giao trong thời gian nhiệm kỳ, Ban Chấp hành sẽ bổ nhiệm người thay thế cho đến Đại hội tiếp theo bầu người thay thế.

3. Ủy viên của Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại hoàn toàn độc lập khi thực hiện các hoạt động và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của LĐBĐVN, tuân thủ Điều lệ này và các quy định có liên quan của LĐBĐVN.

4. Ủy viên của Bộ phận Kỷ luật và Giải quyết khiếu nại không được đồng thời đảm nhiệm vị trí ở bất kỳ cơ quan, bộ phận nào khác thuộc LĐBĐVN tại cùng thời điểm.

Điều 54. Ban Kỷ luật

1. Ban Kỷ luật thực hiện chức năng xem xét và quyết định về vấn đề kỷ luật và đạo đức bóng đá theo thẩm quyền và quy định của LĐBĐVN.

2. Ban Kỷ luật gồm 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 02 Phó trưởng ban và 02 (hai) ủy viên. Trưởng ban hoặc 01 (một) Phó trưởng ban phải có tối thiểu bằng cử nhân luật.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kỷ luật được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kỷ luật và Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN.

4. Quyết định của Ban Kỷ luật được thông qua khi có ít nhất 03 (ba) ủy viên tham gia biểu quyết tán thành hoặc do Trưởng ban quyết định.

5. Ban Kỷ luật hoạt động độc lập, tuân theo Điều lệ này, Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kỷ luật và các quy định khác có liên quan khi xem xét kỷ luật đối với thành viên, quan chức, cán bộ, CLB, huấn luyện viên, cầu thủ, đơn vị tổ chức giải đấu, trận đấu và đại diện bóng đá.

6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm một chức danh do Đại hội bầu, đình chỉ và khai trừ thành viên thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Điều 55. Ban Giải quyết khiếu nại

1. Ban Giải quyết khiếu nại thực hiện chức năng xem xét, giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật, quyết định giải quyết tranh chấp liên quan đến bóng đá và khiếu nại liên quan đến bầu cử của LĐBĐVN.

2. Ban Giải quyết khiếu nại gồm 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó trưởng ban và 03 (ba) ủy viên. Trưởng ban hoặc Phó trưởng ban phải có tối thiểu bằng cử nhân luật.

3. Chức năng và nhiệm vụ của Ban Giải quyết khiếu nại được quy định trong Quy chế hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại, Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN và văn bản khác có liên quan. Quyết định của Ban được thông qua

khi có ít nhất 03 (ba) ủy viên tham gia biểu quyết tán thành hoặc do Trưởng ban quyết định.

4. Ban Giải quyết khiếu nại hoạt động độc lập, tuân theo Điều lệ này, Quy định về kỷ luật của LĐBĐVN, Quy chế hoạt động của Ban Giải quyết khiếu nại và các quy định khác có liên quan khi xem xét giải quyết khiếu nại.

Điều 56. Bộ phận cấp phép CLB

1. Bộ phận cấp phép CLB chịu trách nhiệm về hệ thống cấp phép CLB của LĐBĐVN, tuân theo Quy chế cấp phép CLB của LĐBĐVN và AFC.

2. Bộ phận cấp phép CLB gồm Ban Cấp phép và Ban Giải quyết khiếu nại cấp phép. Mỗi Ban gồm tối đa 05 (năm) ủy viên, trong đó có: 01 (một) Trưởng ban, 01 (một) Phó trưởng ban và tối đa 03 (ba) ủy viên. Ủy viên của bộ phận cấp phép CLB không được là ủy viên của bất kỳ ban nào khác của LĐBĐVN, đơn vị tổ chức giải bóng đá quốc gia, CLB và không được có bất kỳ hoạt động nào tại các ban, đơn vị, CLB này.

3. Quyết định của Ban Giải quyết khiếu nại cấp phép chỉ có thể được kháng cáo lên CAS.

4. Bộ phận cấp phép CLB hoạt động theo Điều lệ này và Quy chế cấp phép CLB do Ban Chấp hành ban hành. Tối thiểu, hệ thống cấp phép CLB phải thực hiện đối với các CLB hạng cao nhất, đủ điều kiện tham gia các giải đấu cấp CLB của AFC dựa trên thành tích thể thao.

Điều 57. Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia

1. Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia phối hợp với bộ phận điều hành của LĐBĐVN tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho các huấn luyện viên bóng đá trên toàn quốc; quản lý, theo dõi, giúp đỡ các huấn luyện viên về chuyên môn; tham mưu cho Ban Chấp hành về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng các huấn luyện viên cho các Đội tuyển quốc gia.

2. Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia gồm 05 ủy viên, trong đó có: 01 (một) Chủ tịch, 01 (một) Phó chủ tịch và 03 (ba) ủy viên. Ủy viên của Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia được bầu theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia.

3. Ủy viên của Hội đồng Huấn luyện viên bóng đá quốc gia không phải là ủy viên Ban Chấp hành.

Điều 58. Bộ phận điều hành của LĐBĐVN

Bộ phận điều hành của LĐBĐVN (gồm các phòng chức năng) có nhiệm vụ điều hành, quản trị và thực hiện các công việc của LĐBĐVN dưới sự chỉ đạo của Tổng thư ký. Các cá nhân thuộc bộ phận điều hành phải tuân thủ Quy chế làm việc của cơ quan LĐBĐVN, các quy định khác có liên quan và hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Điều 59. Tổ chức trực thuộc

LĐBĐVN có các tổ chức trực thuộc gồm: Tạp chí Bóng đá, Trung tâm Đào tạo Bóng đá Trẻ Việt Nam. Ban Chấp hành có quyền xem xét, quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc LĐBĐVN phù hợp với tôn chỉ, mục đích và quy định của pháp luật.

Chương VI
CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 60. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể LĐBĐVN

1. Mọi quyết định liên quan đến việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể LĐBĐVN đều phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể LĐBĐVN thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VII
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 61. Tài chính và tài sản

1. LĐBĐVN có tài chính và tài sản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, được quyền tự quyết định thu, chi cho các hoạt động theo các quy định về chi tiêu tài chính của LĐBĐVN do Ban Chấp hành ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của LĐBĐVN bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Tổng thư ký chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm của LĐBĐVN khi kết thúc năm dương lịch.

Điều 62. Các khoản thu của LĐBĐVN

1. Phí niên liễm của các thành viên.

2. Lệ phí tham dự các giải bóng đá trong nước của các CLB, đội bóng.

3. Tiền thu từ các hợp đồng tài trợ, quảng cáo cho các giải đấu, trận đấu trong nước và cho các Đội tuyển quốc gia nam, nữ.

4. Tiền tài trợ, viện trợ từ các cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế không gắn với quảng cáo.

5. Tiền ủng hộ, quà biếu, tặng của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

6. Tiền thu từ hoạt động thanh lý, nhượng bán tài sản của LĐBĐVN.

7. Tiền thu từ các hoạt động kinh tế sau khi đã nộp thuế theo luật định:

a) Sản xuất, kinh doanh (nếu có);

b) Tổ chức các giải đấu, các trận đấu quốc tế;

c) Cho thuê tài sản;

d) Bán quyền sử dụng các biểu trưng, logo, huy hiệu, hình ảnh của LĐBĐVN;

đ) Bán bản quyền truyền hình các giải đấu, trận đấu.

8. Tiền phạt từ quyết định kỷ luật, phạt thẻ, khiếu kiện, khiếu nại.

9. Các khoản thu khác theo quy định của LĐBĐVN và quy định của pháp luật.

10. Quỹ hỗ trợ từ FIFA, AFC, AFF.

11. Kinh phí thu được từ các nguồn thu không được chia cho thành viên của LĐBĐVN.

Điều 63. Các khoản chi của LĐBĐVN

1. Các khoản chi của LĐBĐVN theo quy định do Ban Chấp hành ban hành phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Các khoản thuế và các khoản phí có liên quan;

b) Chi cho hoạt động của cấp quản lý và các ban của LĐBĐVN;

c) Chi cho hoạt động của cơ quan LĐBĐVN như: Tiền lương, tiền công, tiền đóng bảo hiểm cho cán bộ, nhân viên, tiền công tác phí, mua sắm trang thiết bị, chi phí thuê địa điểm, tiền điện, nước, cước phí thông tin liên lạc và những chi phí khác;

d) Phục vụ Đại hội, Hội nghị Ban Chấp hành LĐBĐVN;

đ) Tổ chức các giải đấu trong nước gồm: Hạng Nhì, các giải bóng đá Nữ, các giải Futsal, hạng Ba, bóng đá Bãi biển...;

e) Tổ chức các giải đấu quốc tế tại Việt Nam;

g) Tổ chức hoặc hỗ trợ tổ chức các giải bóng đá trẻ nam và nữ gồm: U9, U11, U13, U15, U17, U19, U21...;

h) Tổ chức các lớp tập huấn trọng tài, giám sát, huấn luyện viên…;

i) Tặng các giải thưởng, khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích trong hoạt động bóng đá;

k) Thuê chuyên gia, huấn luyện viên nước ngoài, huấn luyện viên trong nước cho các Đội tuyển quốc gia, các lớp đào tạo trẻ;

l) Công tác tuyên truyền, báo chí, thông tin khoa học, nghiên cứu khoa học;

m) Đầu tư, xây dựng, trang bị, sửa chữa cơ sở vật chất của LĐBĐVN;

n) Các hoạt động quan hệ quốc tế;

o) Chi phí tiếp thị, tài trợ, kinh doanh và dịch vụ;

p) Hỗ trợ các thành viên khi có điều kiện;

q) Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 64. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của LĐBĐVN

1. Tài chính, tài sản của LĐBĐVN chỉ được sử dụng cho các hoạt động của LĐBĐVN.

2. Tài chính, tài sản của LĐBĐVN khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo Nghị quyết Đại hội và quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành LĐBĐVN ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của LĐBĐVN đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của LĐBĐVN.

4. LĐBĐVN báo cáo các văn bản về tài chính gồm:

a) Báo cáo kết quả hoạt động và ngân sách tài chính của LĐBĐVN tại kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Báo cáo của cơ quan kiểm toán độc lập; Báo cáo tài chính được kiểm toán độc lập và ngân sách tài chính của LĐBĐVN tại Đại hội.

Điều 65. Kiểm toán độc lập

Đại hội chỉ định một công ty kiểm toán độc lập để kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, tài sản của LĐBĐVN và trình báo cáo Đại hội. Công ty kiểm toán độc lập được chỉ định trong khoảng thời gian một nhiệm kỳ là 04 (bốn) năm. Công ty này được tái chỉ định hoặc thay đổi khi cần thiết.

Điều 66. Niên liễm

1. Các Thành viên phải đóng niên liễm cho LĐBĐVN trước ngày 15 tháng 01 dương lịch hàng năm. Thành viên mới phải đóng phí niên liễm trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ khi kết thúc Đại hội mà tổ chức đó được công nhận là thành viên của LĐBĐVN.

2. Các thành viên đóng niên liễm như nhau và không được quá 3.000.000đ (ba triệu đồng)/một thành viên/một năm. Đại hội quyết định, điều chỉnh mức phí niên liễm hàng năm theo đề nghị của Ban Chấp hành.

Điều 67. Giải quyết nợ

LĐBĐVN có thể khấu trừ các khoản tiền mà thành viên được hưởng để thanh toán các khoản nợ của thành viên đó đối với LĐBĐVN.

Điều 68. Các khoản lệ phí

LĐBĐVN có thể yêu cầu các thành viên đóng lệ phí khi tham gia các giải đấu, trận đấu do LĐBĐVN quản lý, tổ chức theo quy định của LĐBĐVN và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương VIII
CÁC GIẢI ĐẤU, TRẬN ĐẤU VÀ SỰ KIỆN

Điều 69. Các giải đấu, trận đấu

1. Các giải đấu, trận đấu và sự kiện do LĐBĐVN quản lý, tổ chức, phối hợp tổ chức hoặc giao quyền tổ chức cho đơn vị, tổ chức khác bao gồm:

a) Hệ thống giải bóng đá chuyên nghiệp quốc gia gồm: Giải bóng đá Vô địch quốc gia (V.League 1); giải bóng đá hạng Nhất quốc gia (V.League 2); giải bóng đá Cúp quốc gia; trận đấu Siêu Cúp bóng đá Quốc gia; trận đấu Play off và các giải bóng đá chuyên nghiệp khác (nếu có);

b) Hệ thống giải bóng đá Bán chuyên nghiệp gồm: Giải bóng đá hạng Nhì quốc gia, giải bóng đá hạng Ba quốc gia, giải bóng đá nữ Vô địch quốc gia, giải bóng đá nữ Cúp quốc gia, các giải bóng đá trẻ quốc gia dành cho các lứa tuổi nam và nữ từ U16 trở lên, giải Futsal Vô địch quốc gia, giải Futsal Cúp quốc gia, giải bóng đá Bãi biển quốc gia;

c) Hệ thống giải bóng đá Nghiệp dư bao gồm: Các giải bóng đá trẻ quốc gia dành cho các lứa tuổi nam, nữ từ U15 trở xuống; Các giải bóng đá thể thao điện tử liên quan; Các giải bóng đá Nghiệp dư do LĐBĐVN tổ chức, phối hợp hoặc giao quyền tổ chức; Các giải bóng đá Nghiệp dư quy mô toàn quốc được LĐBĐVN công nhận.

d) Các giải đấu, trận đấu và các hoạt động bóng đá quốc tế khác được tổ chức theo quy định của Điều 74 Điều lệ này

2. Ban Chấp hành có thể giao quyền tổ chức giải đấu, trận đấu cho một thành viên hoặc tổ chức, đơn vị khác. Thành viên hoặc tổ chức, đơn vị được giao quyền tổ chức giải đấu, trận đấu có trách nhiệm tuân thủ các quy định của LĐBĐVN và quy định của pháp luật. Những giải đấu, trận đấu đó không được gây trở ngại cho các giải đấu, trận đấu do LĐBĐVN tổ chức. Trong mọi trường hợp, các giải đấu, trận đấu do LĐBĐVN tổ chức được quyền ưu tiên trước nhất.

3. Ban Chấp hành có thể ban hành thêm các quy định đặc biệt cho mục đích này.

Điều 70. Tư cách của các CLB, đội bóng tham dự giải bóng đá quốc gia

1. Chỉ có một giải bóng đá Vô địch quốc gia hạng cao nhất trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Không thể nhân hoặc pháp nhân nào (bao gồm cả công ty mẹ và công ty con) được quyền quản lý, điều hành nhiều hơn một CLB, đội bóng hoặc nhóm CLB, đội bóng làm ảnh hưởng đến tính liêm chính của bất kỳ giải đấu, trận đấu.

Điều 71. Cấp phép CLB

Ban Chấp hành ban hành quy định về cấp phép CLB, trong đó quy định việc tham gia của các CLB vào các giải bóng đá của LĐBĐVN và AFC, tuân thủ các yêu cầu tối thiểu về cấp phép CLB do AFC, FIFA quy định.

Điều 72. Các quyền và lợi ích

1. LĐBĐVN và các thành viên là những chủ sở hữu của các quyền phát sinh từ các giải đấu, trận đấu và các sự kiện khác trong phạm vi quyền hạn của mình mà không bị hạn chế về nội dung, thời gian, địa điểm và luật lệ. Những quyền này bao gồm các quyền về tài chính, nghe, nhìn, ghi hình, ghi âm, sao chép và phát sóng, bản quyền truyền hình và tường thuật, bản quyền truyền thông đa phương tiện, quyền tiếp thị và quảng cáo, các quyền liên quan đến biểu trưng, logo, huy hiệu của LĐBĐVN, của các thành viên và các quyền phát sinh theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quyết định cách thức, phạm vi sử dụng những quyền trên và đưa ra các quy định đặc biệt cho mục đích này. Ban Chấp hành có quyền quyết định sử dụng độc quyền các quyền trên hoặc liên kết với một bên thứ ba hoặc hoàn toàn thông qua bên thứ ba.

3. LĐBĐVN đảm bảo việc bán các quyền nêu tại khoản 1 Điều này được thực hiện minh bạch, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định khác có liên quan của LĐBĐVN.

Điều 73. Trao quyền

1. LĐBĐVN và các thành viên độc quyền trong việc trao quyền cho các đối tác về phân phối hình ảnh, âm thanh và những dữ liệu khác của các giải đấu, trận đấu và các sự kiện khác trong phạm vi quyền hạn của mình mà không có bất kỳ hạn chế nào.

2. Ban Chấp hành ban hành các quy định đặc biệt cho mục đích này.

Điều 74. Các trận đấu và các giải đấu quốc tế

1. Quyền tổ chức các giải đấu, trận đấu quốc tế giữa các Đội tuyển quốc gia hoặc giữa các CLB thuộc về FIFA, Liên đoàn Bóng đá Châu lục và Liên đoàn bóng đá quốc gia liên quan. Các giải đấu, trận đấu quốc tế chỉ được diễn ra sau khi được sự chấp thuận của FIFA, Liên đoàn bóng đá Châu lục và Liên đoàn bóng đá quốc gia liên quan phù hợp với Quy định điều hành các trận đấu quốc tế của FIFA, Liên đoàn bóng đá Châu lục.

2. LĐBĐVN tuân theo lịch thi đấu quốc tế của FIFA.

Điều 75. Quan hệ thể thao

LĐBĐVN, các thành viên, quan chức, cầu thủ, đại lý môi giới trận đấu được cấp phép và đại diện bóng đá không được tổ chức, tham gia các giải đấu, trận đấu hoặc liên hệ về thể thao với Liên đoàn Bóng đá quốc gia không phải là thành viên của FIFA hoặc thành viên chưa chính thức của một Liên đoàn Bóng đá Châu lục nếu không được FIFA chấp thuận.

Điều 76. Sự chấp thuận

1. Các CLB, đơn vị tổ chức giải đấu quốc gia hoặc nhóm các CLB là thành viên của LĐBĐVN chỉ có thể là thành viên của một liên đoàn Bóng đá

quốc gia khác khi được LĐBĐVN, liên đoàn Bóng đá quốc gia và Liên đoàn Bóng đá Châu lục có liên quan và FIFA chấp thuận.

2. Các CLB, đơn vị tổ chức giải đấu quốc gia hoặc nhóm các CLB là thành viên của LĐBĐVN không thể tham gia các giải đấu, trận đấu trên lãnh thổ của Liên đoàn Bóng đá quốc gia khác mà không được sự đồng ý của LĐBĐVN, Liên đoàn Bóng đá quốc gia và Liên đoàn Bóng đá Châu lục có liên quan và FIFA theo Quy định điều hành các trận đấu quốc tế của FIFA.

Chương IX
KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 77. Khen thưởng

Thành viên, tổ chức, đơn vị, tập thể và cá nhân thuộc LĐBĐVN có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp phát triển bóng đá được LĐBĐVN khen thưởng, xét tặng danh hiệu vinh dự của LĐBĐVN. Trường hợp đặc biệt, LĐBĐVN đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng, đồng thời đề nghị FIFA, AFC, AFF có hình thức khen thưởng phù hợp với quy định của các tổ chức này.

Điều 78. Hội đồng Thi đua khen thưởng của LĐBĐVN

1. Chủ tịch LĐBĐVN quyết định thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng để xem xét kết quả thi đua và đề nghị khen thưởng của LĐBĐVN.

2. Căn cứ đề nghị của Tổng thư ký, Thường trực Ban Chấp hành và các thành viên, Hội đồng Thi đua khen thưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng đối với các thành viên, uỷ viên Ban Chấp hành và các cá nhân, tập thể, tổ chức có thành tích đóng góp vào sự phát triển của bóng đá Việt Nam.

3. Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng là Chủ tịch LĐBĐVN.

4. Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng là một trong các Phó Chủ tịch LĐBĐVN.

5. Các Phó Chủ tịch khác, Tổng thư ký và một số Trưởng Ban chức năng là ủy viên Hội đồng.

Điều 79. Các hình thức kỷ luật

1. Đối với cá nhân:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Phạt tiền;

d) Thu hồi giải thưởng;

đ) Bãi nhiệm;

e) Đình chỉ thi đấu, đình chỉ làm nhiệm vụ;

g) Cấm vào phòng thay đồ và khu vực kỹ thuật;

h) Cấm vào sân vận động;

i) Đình chỉ, cấm tham gia các hoạt động liên quan đến bóng đá.

2. Đối với tập thể:

a) Khiển trách;

b) Cảnh cáo;

c) Phạt tiền;

d) Thu hồi giải thưởng;

đ) Cấm chuyển nhượng;

e) Buộc phải thi đấu trên sân không có khán giả;

g) Buộc phải thi đấu trên sân trung lập;

h) Cấm thi đấu trên một sân cụ thể;

i) Hủy bỏ kết quả trận đấu;

k) Thi đấu lại;

l) Loại khỏi giải đấu;

m) Khai trừ;

n) Phạt thua;

o) Trừ điểm;

p) Chuyển xuống thi đấu ở hạng thấp hơn.

Điều 80. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp

1. LĐBĐVN giải quyết các tranh chấp liên quan đến bóng đá có yếu tố trong nước của thành viên, CLB, huấn luyện viên, cầu thủ, đại diện bóng đá.

2. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của LĐBĐVN thì tranh chấp có thể được đưa lên tòa án nhân dân hoặc cơ quan trọng tài hoặc CAS là cơ quan giải quyết tranh chấp cuối cùng.

3. FIFA và AFC có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp thuộc phạm vi quốc tế giữa các bên thuộc các liên đoàn Bóng đá quốc gia, Liên đoàn Bóng đá Châu lục khác nhau: Các tranh chấp về bóng đá có yếu tố nước ngoài của thành viên, CLB, cầu thủ, huấn luyện viên, đại diện bóng đá, đơn vị tổ chức giải đấu và trận đấu, thành viên giải đấu và trận đấu. Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp của FIFA, AFC thì tranh chấp chỉ được đưa lên CAS là cơ quan giải quyết tranh chấp cuối cùng theo quy định của FIFA và AFC.

4. LĐBĐVN đảm bảo các quyết định cuối cùng của FIFA, AFC, CAS, tòa án nhân dân, cơ quan trọng tài được tuân thủ tuyệt đối.

Chương X
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐBĐVN

1. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐBĐVN của Ban Chấp hành hoặc thành viên phải được thực hiện bằng văn bản nêu rõ lý do đề nghị sửa đổi, bổ sung và gửi về bộ phận điều hành của LĐBĐVN. Đề nghị của một thành viên chỉ được coi là hợp lệ nếu có ít nhất 02 (hai) thành viên khác ủng hộ.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ LĐBĐVN phải được 3/4 (ba phần tư) tổng số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 82. Các trường hợp bất khả kháng, ngoài quy định của Điều lệ LĐBĐVN

Ban Chấp hành xem xét, quyết định các trường hợp bất khả kháng và các vấn đề chưa được quy định trong Điều lệ này có liên quan đến tôn chỉ, mục đích và lĩnh vực hoạt động của LĐBĐVN phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của FIFA, AFC.

Điều 83. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) LĐBĐVN gồm 10 (mười) Chương, 83 (tám mươi ba) Điều đã được Đại hội thường niên năm 2025 khóa IX (nhiệm kỳ 2022-2026) của LĐBĐVN thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) LĐBĐVN đã được phê duyệt kèm theo Quyết định số 313/QĐ-BNV ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ LĐBĐVN, Ban Chấp hành LĐBĐVN có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.